

**BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM TÌNH HÌNH YÊN NĂM 2024**  
(Kèm theo Công văn số /SNV-TĐKT ngày /01/2025  
của Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên)

**I. TIÊU CHÍ THI ĐUA**

**1. Kết quả phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh (điểm tối đa 620 điểm; điểm thưởng: 30 điểm).**

**1.1. Thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế: Điểm tối đa 270 điểm; điểm thưởng 20 điểm**

| Stt              | Nội dung thi đua                                                | ĐVT         | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | Điểm | Điểm tự chấm | Điểm thưởng | Tổng điểm |
|------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|--------------------|------|--------------|-------------|-----------|
| 1                | Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm GRDP                           | %           | 7,5               | 7,7                | 70   | 70           | 1,87        | 71,87     |
| 2                | Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh                            | Tỷ đồng     | 32.823            | 40.114             | 60   | 60           | 3,33        | 63,33     |
| 3                | Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu                                | Triệu USD   | 7.000             | 7.200              | 20   | 20           | 0,57        | 20,57     |
| 4                | GRDP bình quân/người (Giá hiện hành)                            | Triệu đồng  | 121               | 121,3              | 20   | 20           | 0           | 20        |
| 5                | Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư toàn xã hội                       | %           | 70.000            | 75.630             | 20   | 20           | 1,61        | 21,61     |
| 6                | Kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế:                             | %           |                   |                    | 40   | 39,59        |             | 39,59     |
|                  | - Công nghiệp xây dựng                                          |             | 63                | 62,65              | 15   | 14,92        |             | 14,92     |
|                  | - Dịch vụ du lịch                                               |             | 30,5              | 30,63              | 15   | 15           |             | 15        |
|                  | - Nông, lâm nghiệp, thủy sản                                    |             | 6,5               | 6,72               | 10   | 9,67         |             | 9,67      |
| 7                | Số lượng các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã hoàn thành | Số chỉ tiêu | 21                | 19                 | 40   | 36,2         |             | 36,2      |
| Tổng điểm tối đa |                                                                 |             |                   |                    | 270  | 265,79       | 7,38        | 273,17    |

**1.2. Thực hiện các chỉ tiêu phát triển Văn hoá - Xã hội: Điểm tối đa 195 điểm, điểm thưởng 10 điểm**

| STT | Nội dung thi đua                                                   | ĐVT | Kế hoạch năm 2024              | Thực hiện năm 2024             | Điểm | Điểm đạt được theo chuẩn | Điểm thưởng | Tổng điểm |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----|--------------------------------|--------------------------------|------|--------------------------|-------------|-----------|
| 1   | Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều                            | %   | 0,71                           | 0,44                           | 10   | 10                       | 1           | 11        |
| 2   | Giảm tỷ suất sinh                                                  | ‰   | < 1                            | < 1                            | 10   | 10                       | 0           | 10        |
| 3   | Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi (Thấp còi và nhẹ cân) | %   | Chiều cao: 8,5; cân nặng: 17,3 | Chiều cao: 8,1; cân nặng: 16,2 | 10   | 10                       | 0,6         | 10,6      |
| 4   | Đào tạo lao động và giải quyết việc làm                            |     |                                |                                | 20   | 20                       |             |           |
|     | - Tỷ lệ lao động qua đào                                           | %   | 70                             | 70                             | 10   | 10                       | 0           | 10        |

|                         |                                                                                                                   |           |                                                   |                                                        |            |               |            |               |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------|---------------|------------|---------------|
|                         | tạo                                                                                                               |           |                                                   |                                                        |            |               |            |               |
|                         | - Số lao động được giải quyết việc làm                                                                            | Người     | 24.500                                            | 34.439                                                 | 10         | 10            | 1          | 11            |
| 5                       | Công tác giáo dục, đào tạo                                                                                        |           |                                                   |                                                        | <b>45</b>  | <b>41,78</b>  |            |               |
|                         | - Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia                                                                             | %         | 93,85                                             | 83,51                                                  | 15         | 13,35         | 0          | 13,35         |
|                         | - Tỷ lệ đỗ kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2023-2024                                                               | %         | 99,87                                             | 99,83                                                  | 20         | 20            | 0          | 20            |
|                         | - Tỷ lệ học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, khu vực và quốc tế năm 2024 (tính tỷ lệ so với năm 2023) | %         | 83 giải                                           | 70 giải                                                | 10         | 8,43          | 0          | 8,43          |
| 6                       | Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo tiêu chí mới                                                          | %         | 50                                                | 78,39                                                  | <b>10</b>  | 10            | 1          | 11            |
| 7                       | Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch                                                                               | %         | 98                                                | 98                                                     | <b>10</b>  | 10            | 0          | 10            |
| 8                       | Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đúng quy định                                                                     | %         | 100                                               | 100                                                    | <b>10</b>  | 10            | 0          | 10            |
|                         | Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom:                                                                                 |           |                                                   |                                                        | <b>10</b>  | <b>9,71</b>   |            | <b>9,71</b>   |
| 9                       | - Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom ở đô thị                                                                       | %         | 92                                                | 92                                                     | 5          | 5             | 0          | 5             |
|                         | - Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom ở nông thôn                                                                    | %         | 87                                                | 82                                                     | 5          | 4,71          | 0          | 4,71          |
| 10                      | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế                                                                               | %         | 94,2                                              | 94,2                                                   | <b>10</b>  | 10            | 0          | 10            |
| 11                      | Kết quả thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM” năm 2024                                    |           |                                                   |                                                        | <b>50</b>  | <b>50</b>     |            | 50            |
|                         | - Tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới                                                                 | Đạt       |                                                   | Đạt                                                    | 20         | 20            |            | 20            |
|                         |                                                                                                                   | Không đạt |                                                   |                                                        | 0          |               |            |               |
|                         | - Huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới                                | %         | 100                                               | 100                                                    | 10         | 10            |            | 10            |
|                         | - Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu                                                                | %         | 01 huyện                                          | 01 huyện                                               | 10         | 10            |            | 10            |
|                         | - Số xã được công nhận nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu                                                           | %         | 100% xã đạt NTM nâng cao; 30% xã đạt NTM kiểu mẫu | 100% xã đạt NTM nâng cao; trên 30% xã đạt NTM kiểu mẫu | 10         | 10            |            | 10            |
| <b>Tổng điểm tối đa</b> |                                                                                                                   |           |                                                   |                                                        | <b>195</b> | <b>191,49</b> | <b>3,6</b> | <b>195,09</b> |

**1.3. Đảm bảo về an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội: Điểm tối đa 80 điểm**

| STT              | Nội dung thi đua                                                                                        |                                                                 | Điểm | Điểm tự chấm                     |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------|----------------------------------|
| 1                | An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội                                                               | Được tặng Cờ thi đua của Chính phủ                              | 20   |                                  |
|                  |                                                                                                         | Được tặng Cờ thi đua của Bộ Công an                             | 15   | 15                               |
|                  |                                                                                                         | Được Bằng khen của Bộ Công an                                   | 10   |                                  |
|                  |                                                                                                         | Hoàn thành nhiệm vụ                                             | 5    |                                  |
| 2                | Công tác quốc phòng, quân sự địa phương                                                                 | Được tặng Cờ thi đua của Chính phủ                              | 20   |                                  |
|                  |                                                                                                         | Được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng                          | 15   | 15                               |
|                  |                                                                                                         | Được tặng Bằng khen Bộ Quốc phòng. Hoặc Cờ thi đua của Quân khu | 10   |                                  |
|                  |                                                                                                         | Hoàn thành nhiệm vụ; Tỷ lệ tuyển quân đạt 100%                  | 5    |                                  |
| 3                | An toàn giao thông: Số vụ, số người chết, số người bị thương về tai nạn giao thông giảm so với năm 2023 | Giảm cả 3 chỉ tiêu so với năm 2023                              | 20   | 0<br>(tăng cả 3 tiêu chí)        |
|                  |                                                                                                         | Giảm 2 chỉ tiêu so với năm 2023                                 | 15   |                                  |
|                  |                                                                                                         | Giảm 1 chỉ tiêu so với năm 2023                                 | 10   |                                  |
| 4                | Tỷ lệ % đơn thư khiếu nại, tố cáo được giải quyết năm 2024 theo quy định (tỷ lệ bình quân chung).       | Đạt từ 90% trở lên                                              | 20   |                                  |
|                  |                                                                                                         | Đạt từ 80% đến dưới 90%                                         | 15   |                                  |
|                  |                                                                                                         | Đạt từ 70% đến dưới 80%                                         | 10   | 10<br>(tỷ lệ giải quyết đạt 79%) |
|                  |                                                                                                         | Đạt dưới 70%                                                    | 5    |                                  |
| Tổng điểm tối đa |                                                                                                         |                                                                 | 80   | 40                               |

**1.4. Thực hiện các Chỉ số: Cải cách hành chính (PAR Index); nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); chỉ số chuyển đổi số (DTI): Điểm tối đa 75 điểm.**

| STT                     | Chỉ số                                                                                                                           | Điểm      | Điểm chỉ số                     | Điểm đạt được |
|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------|
| 1                       | Kết quả thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính theo chỉ số PAR INDEX năm 2023                                             | 15        | 87,38/100                       | 13,12         |
| 2                       | Kết quả thực hiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2023                                                               | 15        | 69,09/100                       | 10,36         |
| 3                       | Kết quả thực hiện Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh PAPI năm 2023                                             | 15        | 44,228/80                       | 8,29          |
| 4                       | Kết quả thực hiện chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm (SIPAS) năm 2023 | 15        | 88,73/100                       | 13,3          |
| 5                       | Kết quả thực hiện chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2023                                                                            | 15        | <i>(Bộ TTTT chưa chấm điểm)</i> |               |
| <b>Tổng điểm tối đa</b> |                                                                                                                                  | <b>75</b> |                                 | <b>45,07</b>  |

**2. Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và hệ thống chính trị: Điểm tối đa 150 điểm.**

| STT | Nội dung thi đua                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                               | Điểm | Điểm đạt được theo chuẩn |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------|
| 1   | Tổ chức học tập, quán triệt và triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả theo đúng kế hoạch của Trung ương.                                                                                                                                              | 15   | 15                       |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tổ chức thực hiện chưa hiệu quả so với kế hoạch của Trung ương.                                                                                                                                                                               | 0    |                          |
| 2   | Triển khai thực hiện Nghị quyết 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập | Xây dựng chương trình, kế hoạch; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết; ban hành Chương trình hành động, gắn với việc lồng ghép trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng tỉnh. | 15   | 15                       |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Chưa xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể để thực hiện Nghị quyết có hiệu quả                                                                                                                                                                | 0    |                          |
| 3   | Ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị (Khóa XIII) tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Chuyên đề năm 2024 về “Nêu cao tinh thần trách nhiệm phục vụ Nhân dân”, đảm bảo thiết thực, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh.                               | Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện theo chuyên đề năm 2024.                                                                                                                                                                      | 10   | 10                       |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tổ chức tuyên dương, khen thưởng các điển hình tiên tiến trong “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.                                                                                                               | 10   | 10                       |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Không tổ chức triển khai thực hiện biểu dương khen thưởng các điển hình tiên tiến.                                                                                                                                                            | 0    |                          |
| 4   | Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045                                                                                                                                                                                                 | Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết; ban hành Chương trình hành động và thành lập Ban Chỉ đạo của tỉnh để triển khai thực hiện                                                          | 10   | 10                       |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tổ chức thực hiện chưa hiệu quả so với Chương trình đề ra                                                                                                                                                                                     | 0    |                          |
| 5   | Thực hiện Quy định số 114-QĐ/TW, ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Xây dựng chương trình, kế hoạch; tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Trung ương                                                                                                                                           | 20   | 20                       |

| STT | Nội dung thi đua                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                            | Điểm | Điểm đạt được theo chuẩn |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------|
|     | tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Quy định số 131-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và hoạt động thanh tra, kiểm toán                                                                    | Chưa xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể để thực hiện các Quy định có hiệu quả                                                                                                                                                                           | 0    |                          |
| 6   | Thực hiện Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 | Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trước thời hạn                                                                                                                                                                                 | 20   | 20                       |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đúng thời hạn                                                                                                                                                                                  | 10   |                          |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã quá thời hạn                                                                                                                                                                                   | 0    |                          |
| 7   | Triển khai thực hiện Nghị quyết 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.                                                                                   | Xây dựng chương trình, kế hoạch; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết; triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.                 | 10   | 10                       |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Tổ chức thực hiện chưa hiệu quả so với chương trình, kế hoạch đề ra.                                                                                                                                                                                       | 0    |                          |
| 8   | Đảm bảo kỷ luật, kỷ cương, giữ gìn đoàn kết nội bộ.                                                                                                                                                                                                                                                                | Đảm bảo đoàn kết nội bộ; các tập thể BTV Tỉnh ủy, Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh không vi phạm kỷ luật; cá nhân đối với người đứng đầu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh không vi phạm kỷ luật.                                                     | 20   | 20                       |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Trong năm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc kỷ luật từ mức khiển trách trở lên đối với tập thể BTV Tỉnh ủy, Đảng đoàn HĐND tỉnh; Ban cán sự Đảng UBND tỉnh; Kỷ luật từ mức khiển trách trở lên đối với người đứng đầu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh | 0    |                          |

| STT | Nội dung thi đua                                                                                                |       | Điểm       | Điểm đạt được theo chuẩn |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------|--------------------------|
| 9   | Có Ban Đảng hoặc cơ quan thuộc Tỉnh ủy được tặng Cờ Thi đua của Chính phủ năm 2024                              | Có    | 10         | 10                       |
|     |                                                                                                                 | Không | 0          |                          |
| 10  | Có cơ quan Ủy ban MTTQ hoặc các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được tặng Cờ thi đua của Chính phủ năm 2024 | Có    | 10         | 0                        |
|     |                                                                                                                 | Không | 0          |                          |
|     | <b>Tổng điểm tối đa</b>                                                                                         |       | <b>150</b> | <b>140</b>               |

### TỔNG ĐIỂM

| Nội dung                                                                                                                                    | Điểm chuẩn | Điểm đạt được theo chuẩn | Điểm thưởng  | Tổng điểm     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------|--------------|---------------|
| <b>1. Kết quả phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh (điểm tối đa 620 điểm; điểm thưởng: 30 điểm)</b> | <b>620</b> | <b>542,35</b>            | <b>10,98</b> | <b>553,33</b> |
| a) Thực hiện các chỉ tiêu về phát triển kinh tế: <i>Điểm chuẩn 270; điểm thưởng 20.</i>                                                     | 270        | 265,79                   | 7,38         | 273,17        |
| b) Thực hiện các chỉ tiêu văn hóa, xã hội: <i>Điểm chuẩn 195 điểm; điểm thưởng 10 điểm.</i>                                                 | 195        | 191,49                   | 3,6          | 195,09        |
| c) Đảm bảo về an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội: <i>80 điểm.</i>                                                                  | 80         | 40                       |              | 40            |
| d) Thực hiện các chỉ số cải cách hành chính: <i>75 điểm</i>                                                                                 | 75         | 45,07                    |              | 45,07         |
| <b>2. Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị (điểm tối đa 150 điểm)</b>      | <b>150</b> | <b>140</b>               |              | <b>140</b>    |
| <b>Tổng điểm</b>                                                                                                                            | <b>770</b> | <b>682,35</b>            | <b>10,98</b> | <b>693,33</b> |